

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/DS-ST

Ngày: 28/9/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thái Hiệp

2. Ông Lê Văn Thuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268, đường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hiền T, chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch P Bạc Liêu – Ngân hàng Thương mại cổ phần S (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2023 và lời khai tại Tòa án, ông Trần Hiền T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày: Ngày 12/10/2020, ông Trịnh Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề

ngiht cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trịnh Văn T, ngày 12/10/2020 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Trịnh Văn T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.200.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 26/06/2023 ông Trịnh Văn T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.670.737 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trịnh Văn T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trịnh Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S) nên ngày 22/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S).

Tính đến ngày 26/06/2023, ông Trịnh Văn T có trách nhiệm phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 13.057.890 đồng (*Bằng chữ: Mười ba triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi đồng*). Trong đó, nợ gốc là 11.135.740 đồng và nợ lãi là 1.922.150 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu ông Trịnh Văn T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Trịnh Văn T trả nợ, tuy nhiên ông Trịnh Văn T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Trịnh Văn T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 13.057.890 đồng (*Bằng chữ: Mười ba triệu không trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi đồng*). Trong đó, nợ gốc là 11.135.740 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 26/06/2023 là 1.922.150 đồng. Đồng thời, buộc ông Trịnh Văn T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/06/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Trịnh Văn T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh T nhưng không lấy lời khai được do không có ở nhà nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa, ông Trần Hiền Tr là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc anh Trịnh Văn T thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2023) là 14.044.938 đồng. Trong đó, nợ gốc là 11.135.740 đồng và nợ lãi là 2.909.198 đồng. Đồng thời, yêu cầu buộc anh T thanh toán nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án

đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với anh T buộc anh Trịnh Văn T thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2023) là 14.044.938 đồng. Trong đó, nợ gốc là 11.135.740 đồng và nợ lãi là 2.909.198 đồng. Đồng thời, buộc anh T thanh toán nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Về án phí, anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ngân hàng TMCP S khởi kiện anh Trịnh Văn T yêu cầu thanh toán nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trịnh Văn T trú tại ấp N, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T đã được triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2020 giữa anh Trịnh Văn T với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh Bạc Liêu – Phòng giao dịch P. Ngày 12 tháng 10 năm 2020 Ngân hàng đã đồng ý phê duyệt cấp thẻ cho anh T với hạn mức thẻ tín dụng 15.000.000 đồng, mức lãi suất 20,4%/năm.

[3.1] Tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: “Tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ”, và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ”.

[3.2] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định tại mục 18 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: Chủ thẻ đồng ý là chủ thẻ đã nhận được thẻ khi thẻ được kích hoạt và/hoặc phát sinh giao dịch. Chủ thẻ gồm chủ thẻ chính và tất cả chủ thẻ phụ, chịu trách nhiệm liên đới với việc thanh toán tất cả các dư nợ cho đến khi thanh toán đầy đủ trong tất cả các trường hợp bao gồm cả trường hợp gia hạn thẻ, thay thế thẻ, chấm dứt sử dụng thẻ,... cho S mà không cần có bằng chứng, hoá đơn được ký hay chứng từ khác. Tại mục 19 quy định về thời hạn thanh toán như sau: Chủ thẻ phải thanh toán cho ngân hàng số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào

hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo giao dịch; *Tại mục 20 quy định về áp dụng thanh toán như sau:* Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự, các khoản phí và lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ; và *tại mục 24 quy định về vi phạm như sau:* Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng... Khi vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng S có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:....Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S...

[3.3] Đối chiếu theo các Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của anh T có số chứng minh nhân dân 385457022, số thẻ 970403-0510 là tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, thể hiện tính đến ngày 21/12/2023, số tiền anh T giao dịch là 16.200.000 đồng, với các khoản phí là 2.166.524 đồng và lãi là 6.439.953 đồng, trừ số tiền 13.670.737 đồng anh T đã thanh toán thì số tiền gốc còn lại là 11.135.740 đồng. Do anh T ngưng không thanh toán tiền cho Ngân hàng đúng kỳ hạn nên đến ngày 22/12/2022 Ngân hàng đã khóa thẻ, chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh T và chuyển toàn bộ dư nợ chưa thanh toán với số tiền 11.135.740 đồng sang nợ quá hạn. Xét thấy, anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T tính trả nợ gốc số tiền 11.135.740 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nợ lãi quá hạn:

[4.1] *Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau:* Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

[4.2] *Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại mục về cách tính lãi như sau:* Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản; đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt thì lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút, S có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ; *tại mục 24 quy định về vi phạm:* S chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của S.

[4.3] Đối chiếu Bảng tóm tắt sao kê giao dịch của anh T, thể hiện tính đến ngày 22/8/2022 anh T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.628.292 đồng lần cuối và ngưng thanh toán cho Ngân hàng cho đến nay, nên ngày 22/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với anh T và chuyển số nợ gốc 11.135.740 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/9/2023, số tiền lãi quá hạn mà anh T còn nợ Ngân hàng là 2.909.198 đồng. Xét thấy, việc Ngân hàng yêu cầu anh T trả lãi quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật và những căn cứ đã viện dẫn nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Như vậy, tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 14.044.938 đồng. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2020 có chữ ký và chữ viết của anh T. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín về việc buộc anh T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2023) là 14.044.938 đồng. Trong đó, nợ gốc là 11.135.740 đồng và nợ lãi là 2.909.198 đồng. Đồng thời, buộc anh T thanh toán nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[6] Về án phí sơ thẩm dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên anh T phải chịu 5% án phí của số tiền 14.044.938 đồng là 702.247 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp số tiền 327.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010721 ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

[7] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với anh Trịnh Văn T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc anh Trịnh Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh Bạc Liêu – Phòng giao dịch P nhận theo hợp đồng đã ký kết) số tiền gốc, lãi tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2023 là 14.044.938 đồng (mười bốn triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 11.135.740 đồng (mười một triệu một trăm ba mươi năm nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) và nợ lãi là 2.909.198 đồng (hai triệu chín trăm lẻ chín nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Trịnh Văn T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc số tiền 11.135.740 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh Bạc Liêu – Phòng giao dịch P nhận theo hợp đồng đã ký kết) theo mức lãi suất được quy định theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2020 đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà anh Trịnh Văn

T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Văn T phải chịu số tiền là 702.247 đồng (bảy trăm lẻ hai nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 327.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010721 ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H, Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện H, Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Thu